

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25/3/2022.

Về việc: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Linh**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: **Phạm Đức Minh**.

2. Bà: **Phan Thị Hà**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Ka Hít** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hà**-Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 25 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn 9, xã L.N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Lê Văn K, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 9, xã L.N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn đề nghị vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/10/2021, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh K có quen biết tìm hiểu yêu đương nhau được một năm thì quyết định sống chung và đăng ký K t hôn tại UBND xã L.N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/12/2012. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh K có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến cuối năm 2020 vợ chồng hàn gắn lại nhưng đến tháng 7/2021, anh K bỏ theo người tình không còn chung sống với chị N nữa. Chị N đã tha thứ cho ông K nhiều lần nhưng không được, nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy chị N yêu cầu được ly hôn với anh K.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thủy, sinh ngày 13/9/2008 và Lê Bảo Tuyên, sinh ngày 11/9/2016. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị N, ly hôn tôi có nguyện vọng nuôi cả hai con yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh K trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh K và chị N có quen biết tìm hiểu yêu đương nhau được một năm thì quyết định sống chung và đăng ký K t hôn tại UBND xã L.N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/12/2012. Hôn nhân là tự nguyện được gia đình hai bên đồng ý và có tổ chức lễ cưới theo phong tục, quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do chị N cò bạc, không quan tâm gia đình. Khi anh K khuyên ngăn thì xảy ra mâu thuẫn rồi chị N bỏ nhà ra ngoài sống, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn do vậy anh K đồng ý ly hôn với chị N.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thị Thủy, sinh ngày 13/9/2008 và Lê Bảo Tuyên, sinh ngày 11/9/2016. Hiện nay hai cháu đang sinh sống cùng chị N, ly hôn anh K có nguyện vọng giao cả hai con cho chị N nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/cháu/tháng, cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận chia không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị N và anh K được ly hôn với nhau; buộc chị N chịu án phí ly hôn, anh K chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị N, anh K đều có đơn đề nghị vắng mặt, nên áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

2. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh K tự nguyện K t hôn tại UBND xã L.N, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng ngày 11/12/2012; hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc gì nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án cả chị N và anh K đều xác nhận vợ chồng đã sống ly thân và mong muốn được ly hôn. Điều này cho thấy hôn nhân của chị N và anh K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn

cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận yêu cầu chị N , xử cho chị N và anh K được ly hôn với nhau.

[2.2] Về con chung: Việc giao con cho ai cần phải xem xét về mọi mặt và quyền lợi của con. Xét thấy các con đang sống cùng chị N và có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ được anh K đồng ý nên để không làm xáo trộn môi trường sống, học tập của các con cần tiếp tục giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.500.000đ/tháng, cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí ly hôn, anh K phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị N về việc “Ly hôn” với anh Lê Văn K , xử cho chị N và anh K được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Thị Thủy, sinh ngày 13/9/2008 và Lê Bảo Tuyên, sinh ngày 11/9/2016 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ/cháu, cấp dưỡng từ tháng 10/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn cũng như việc thăm nom, chăm sóc con theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.”

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự”.

3. Về án phí: Buộc chị N phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 4103 ngày 15/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng (Chị N đã nộp xong). Buộc anh K nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị N , anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng ⁽²⁾
- VKS huyện Bảo Lâm;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Các Đương sự;
- CC.THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã L.N ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Linh

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Hà

Phan Đức Minh

Nguyễn Văn Linh